TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ VŨNG TÀU** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 12 - 5 - 2022
V/v ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Ngát.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Ông Vũ Văn Chương;

2.Ông Nguyễn Văn Hải.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*** Bà Trần Thị Hiên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 168/2022/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2022 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2022/QĐSXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Vũ Văn Tr, sinh năm 1995 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: xóm 4, xã H, huyện HH, tỉnh N

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng D, sinh năm 1998 (vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: đường L, phường Nh, thành phố V, tỉnh B

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Vũ Văn Tr trình bày:*

Ông và bà Nguyễn Thị Hồng D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố V vào ngày 24-9-2020. Thời gian đầu sau kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại địa chỉ đường L, phường Nh, thành phố V, tỉnh B. Ông và bà D không có con chung.

Từ tháng 01 năm 2021, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không hợp nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12-2021, ông đã chuyển về sống cùng bố mẹ ông tại địa chỉ xóm 4, xã H, huyện HH, tỉnh N cho đến nay. Nay ông Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải

quyết những vấn đề sau:

-Về hôn nhân: Ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D.

-Về con chung: Ông và bà D không có con chung.

-Về tài sản chung và nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-3-2022, bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Bà và ông Tr tìm hiểu nhau khoảng 2 tháng thì đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân phường 12, thành phố V vào ngày 24-9-2020. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ đường L, phường Nh, thành phố V, tỉnh B. Bà và ông Tr không có con chung.

Từ tháng 01 năm 2021, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không hợp nhau, hai vợ chồng đã nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng không thể hòa hợp, không có tiếng nói chung, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12-2021, ông Tr đã chuyển về sống cùng bố mẹ ông Tr tại địa chỉ xóm 4, xã H, huyện HH, tỉnh N cho đến nay, bà D vẫn sinh sống tại địa chỉ đường L, phường Nh, thành phố V, tỉnh B. Nay trước yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Tr, bà có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà đồng ý ly hôn với ông Vũ Văn Tr
- Về con chung: Bà và ông Tr không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng quy định pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông Tr và bà D là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng có thời gian ly thân từ tháng 12-2021 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt nên có cơ sở đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung không có nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Vũ Văn Tr có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D, bà D cư trú tại thành phố V nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự tại phiên tòa thì thấy:

Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Tr và bà D tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường 12, thành phố V và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 122 ngày 24-9-2020 nên hôn nhân là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Tr cương quyết yêu cầu ly hôn vì cho rằng hôn nhân giữa ông và bà D không thể kéo dài, thời gian ly thân, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc cho nhau. Lời trình bày của ông Tr và bà D phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương do đó có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn giữa ông Tr và bà D là có thật, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau và việc ông Tr yêu cầu ly hôn cũng được bà D đồng ý. Vì vậy, Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[2.2] Về con chung: Ông Vũ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Hồng D cùng xác nhận vợ chồng không có con chung, vì vậy tòa án không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Tr phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36 điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Vũ Văn Tr đối với bà Nguyễn Thị Hồng D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Văn Tr được lý hôn với bà Nguyễn Thị Hồng D.

2. Về con chung: Ông Vũ Văn Tr và bà Nguyễn Thị Hồng D không có con chung nên tòa án không xem xét, giải quyết

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Vũ Văn Tr phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí số 0001881 ngày 07-3-2022 của Chi cục Thi hành dân sự thành phố Vũng Tàu. Ông Tr đã nộp đủ.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tình từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh B;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- UBND phường 12, thành phố V;
- Lưu hồ sơ.

Bùi Thị Ngát